

**DANH SÁCH HOÀN TIỀN CTKM TẠI HỆ THỐNG SIÊU THỊ BIG C
ĐỢT 3 TỪ 23/11/2019 -19/01/2020**

STT	SỐ THẺ CHÍNH	TÊN CHỦ THẺ CHÍNH	SỐ TIỀN TRẢ THƯỜNG
1	5174xxxx8107	TRAN XUAN THI	200,000
2	5174xxxx6105	NGUYEN KHAC DUNG	117,610
3	5119xxxx2105	NGUYEN MINH DUOC	69,094
4	5119xxxx7105	PHAM THANH DUNG	55,269
5	5119xxxx9105	DU HOANG OANH	82,101
6	5119xxxx0106	NGUYEN THANH LONG	59,883
7	5119xxxx7103	TRAN TAN THONG	81,628
8	5119xxxx8101	VUONG QUOC THAI	74,024
9	5171xxxx4103	LAM HONG QUANG	100,000
10	5119xxxx7117	PHAM HAI LY	76,425
11	5119xxxx3107	NGO THI HOAN	64,490
12	5119xxxx5107	TRUONG THANH DUC	100,000
13	5171xxxx3103	NGUYEN PHUONG DUNG	100,000
14	5119xxxx2107	NGUYEN XUAN MIEN	93,827
15	5119xxxx6118	PHAM THI HANG	81,080
16	5119xxxx5100	NGUYENTHIPHUONGTHAO	52,471
17	5119xxxx3108	NGUYEN T TUYET TRINH	64,730
18	5119xxxx6118	NGUYEN THI XUAN HUONG	74,945
19	5119xxxx1106	TRAN THI HIEN	100,000
20	5119xxxx2104	BACH NGOC THANH	79,412
21	5119xxxx8108	NGUYEN THI THU TRANG	58,020
22	5119xxxx9109	NGUYEN THI PHUONG	70,370
23	5119xxxx1109	TRAN THI KIM THOA	149,900
24	5119xxxx4104	PHAM VAN XUAN	100,000
25	5119xxxx5107	HOANG DUY TIEN	100,000
26	5119xxxx4106	TRAN VINH HAO	54,855
27	5119xxxx1105	NGUYEN THI LUA	57,430
28	5171xxxx6106	TRAN THI YEN	80,371
29	5119xxxx0108	NGUYEN MANH KIEN	55,865
30	5119xxxx8102	PHAN THI THU HIEU	72,028
31	5171xxxx4107	DANG HONG CHAU	94,269
32	5119xxxx1103	NGO ANH DANH	64,613
33	5119xxxx0109	DUONG TAT THANG	81,835
34	5174xxxx6100	ONG YEN CO	395,465
35	5119xxxx1106	NGUYEN ANH TU	56,391
36	5119xxxx4106	TAO QUANG BANG	100,000
37	5119xxxx0114	PHAM THI DIEU HUYEN	64,920
38	5119xxxx9116	NGO BA THUY	100,000
39	5119xxxx2104	NGUYEN VIET NGA	95,535
40	5119xxxx6101	NGUYEN VAN THANH	100,000
41	5119xxxx3107	NGUYEN HUU PHAN	500,000
42	5119xxxx3103	KIM ANH DUC	57,410
43	5119xxxx6109	DO VIET QUANG	57,292
44	5119xxxx6102	TRAN TRUNG QUOC	53,379
45	5171xxxx5100	TRAN DAI NGHIA	57,967
46	5119xxxx9111	LE VAN QUY	100,000

47	5119xxxx0112	DUONG THI HONG TY	62,547
48	5119xxxx1111	LE THANH BINH	77,240
49	5119xxxx4102	BUI THI NHU QUYNH	69,245
50	5171xxxx8107	NGUYEN VAN HIEP	76,365
51	5119xxxx9101	NGUYEN THI THU THAO	100,000
52	5119xxxx6100	PHAM SI TUAN	57,486
53	5171xxxx2107	TRAN THI PHUONG HOA	55,930
54	5119xxxx2101	LE NGOC DIEP	100,000
55	5119xxxx1109	NGUYEN BUI NHU THUY	76,480
56	5119xxxx4101	NGUYEN THI PHI PHUONG	63,588
57	5119xxxx6103	TRAN THI MINH SY	129,083
58	5119xxxx8107	QUACH KIM HUE	74,115
59	5119xxxx8109	TRAN LOAN ANH	86,095
60	5119xxxx5106	DINH HOANG LONG	69,285
61	5119xxxx0104	NGUYEN NHI GIA NGHIA	94,151
62	5119xxxx1108	PHAN THI THANH THUY	149,394
63	5119xxxx9102	TRUONGTHIHAI DUYEN	100,000
64	5119xxxx6101	PHAM THU HA	100,000
65	5119xxxx1113	NGUYEN LAN HUONG	66,402
66	5119xxxx0104	LE THI THU	60,585
67	5119xxxx4101	DANG PHU XUYEN	70,195
68	5119xxxx0109	NGUYEN THANH HUNG	52,455
69	5119xxxx2105	NGUYEN HONG THUONG	100,000
70	5119xxxx4106	CHU VAN KHANH	100,000
71	5119xxxx3108	DUONG THI THANH THUY	265,424
72	5119xxxx2109	TRAN DUC LOC	62,450
73	5119xxxx7107	PHAM THI TU OANH	78,999
74	5119xxxx5108	PHAM THI MAI HUONG	71,074
75	5171xxxx6103	NGUYEN TIEN BAN	126,804
76	5119xxxx4108	NG NGOC YEN NGAN	100,000
77	5119xxxx5102	LE PHUOC QUYEN ANH	56,200
78	5119xxxx1112	NGUYEN TUAN DUONG	52,857
79	5119xxxx4104	TRINH MINH THONG	82,465
80	5119xxxx2105	BUI THI MINH PHUONG	60,370
81	5119xxxx5104	DO MINH DUC	56,629
82	5119xxxx6105	NGUYEN THI MY LINH	139,980
83	5119xxxx0102	TRUONG QUANG TUAN	136,767
84	5119xxxx2106	XA VAN THONG	51,620
85	5119xxxx8101	PHAN THI HUONG	70,605
86	5171xxxx4108	HOANG THI KIM DUNG	100,000
87	5119xxxx0102	NGUYEN THI TAM	100,000
88	5119xxxx4118	TRUONG QUANGNHAT DANG	130,411
89	5119xxxx2101	BUI THI HAI	54,824
90	5119xxxx7101	DINH KIM CUONG	78,601
91	5119xxxx6114	BUI THI MINH PHUOC	54,357
92	5171xxxx3109	NGUYEN T HOAI THUONG	119,102
93	5119xxxx3105	NGUYEN XUAN TRUONG	100,000
94	5119xxxx8101	DAM DUC HAU	64,760
95	5119xxxx4102	HO HUU PHUC	51,364
96	5119xxxx8101	NGUYEN ANH DUC	161,768

97	5119xxxx2102	PHAM NGUYEN	92,396
98	5119xxxx3105	LE VAN LONG	180,099
99	5119xxxx1109	NGUYEN THI HUYEN	59,042
100	5119xxxx1112	NGUYEN TRUONG THANH	98,290
101	5171xxxx1100	LE THI TUYET	67,395
102	5119xxxx4101	PHAM THI THU HIEN	100,000
103	5119xxxx3100	PHUNG THI ANH QUE	100,000
104	5171xxxx0107	NGUYEN THI TUONG VY	167,780
105	5119xxxx3101	NGUYEN NGOC TUAN	69,960
106	5171xxxx9100	NGUYEN THANH LONG	74,885
107	5171xxxx0109	PHAM THUY VAN	58,676
108	5171xxxx3106	NGUYEN THI KIM LOAN	60,091
109	5119xxxx0100	HOANG THI MINH THUY	56,664
110	5119xxxx9107	PHAM THI HUONG	52,366
111	5119xxxx8101	DO VAN THIET	100,000
112	5119xxxx7105	PHI VAN NGU	100,000
113	5119xxxx6100	LE THI CAM NHUNG	500,000
114	5119xxxx5115	HOANG THI LA	94,061
115	5119xxxx4104	CUNG DUY TUNG	67,153
116	5119xxxx1109	NGUYEN THI THAO	83,040
117	5119xxxx2107	QUACH CONG LICH	78,397
118	5119xxxx0100	VU VIET HUNG	51,971
119	5119xxxx5100	QUACH BINH VU LINH	184,295
120	5119xxxx1101	CAN VAN HOP	56,765
121	5171xxxx4103	DINH XUAN LIEM	100,000
122	5119xxxx0104	NGUYEN THUY AN	63,610
123	5171xxxx6102	PHAM HOANG THANH	65,868
124	5171xxxx0105	TA THI HIEN	54,655
125	5119xxxx0107	HOANG THI PHUONG THAO	90,535
126	5171xxxx7104	PHAM KHANH NGOC	100,000
127	5119xxxx8109	TRINH THI THU TRANG	100,000
128	5119xxxx5103	DUONG MINH PHUONG	71,290
129	5119xxxx7111	NGO MINH DUC	76,098
130	5171xxxx1100	NGUYEN THITHUY PHUONG	51,237
131	5119xxxx8105	NGUYEN VAN QUANG	59,936
132	5119xxxx0104	NGUYEN THI DIEM HUONG	70,735
133	5119xxxx9109	BUI THANH TUYEN	74,038
134	5119xxxx9104	NGUYEN HUU DUONG	50,596
135	5171xxxx8104	NGUYEN THI THU NHI	158,590
136	5119xxxx7109	TRAN THI THAO UYEN	100,000
137	5174xxxx6105	PHAN TAM DA	200,000
138	5119xxxx4115	NGUYEN NAM DAN	79,990
139	5174xxxx2109	TRINH THI DUNG	200,000
140	5119xxxx2108	NGUYEN HONG LIEN	200,000
141	5119xxxx7107	MAI THUY SAM	55,385
142	5119xxxx2107	TRAN TUAN DANG	100,000
143	5119xxxx8114	NGUYEN DANG HUNG	98,238
144	5171xxxx6114	TRAN THI PHUONG	59,550
145	5119xxxx5107	NGUYEN THI THU HANG	77,511
146	5174xxxx0118	BUI THI HOA	133,877

147	5171xxxx5107	TRAN TIEN DAT	66,160
148	5119xxxx1108	NGUYEN T HUONG GIANG	53,344
149	5174xxxx3109	TRAN THANH TU	200,000
150	5171xxxx0104	NGUYEN THI HONG NHUNG	61,665
151	5119xxxx0100	DAO THI THU TRANG	98,300
152	5119xxxx9109	VUONG THUY HA	76,595
153	5119xxxx6109	NGUYEN VAN BAC	100,000
154	5119xxxx6100	PHAM DUC TRUNG HIEU	52,450
155	5119xxxx1101	NGUYEN THI NHUNG	152,113
156	5119xxxx6102	NGUYEN THI THUY	54,097
157	5119xxxx0111	HOANG VAN HUNG	100,000
158	5119xxxx3100	NGUYEN THI THUY NGA	68,486
159	5119xxxx6106	VU THI ANH THU	67,466
160	5119xxxx5107	NGUYEN THI THUY NGAN	92,094
161	5119xxxx3100	NGUYEN GIANG NGUYEN	100,000
162	5119xxxx1107	PHI XUAN DUC	92,327
163	5119xxxx8109	NGUYEN TRUNG NGHIA	100,000
164	5119xxxx1102	NGUYEN THI KIEU TIEN	62,836
165	5119xxxx7109	DINH BUI KIEU DIEM	54,970
166	5119xxxx8107	TRUONG QUOC TRUNG	56,665
167	5119xxxx5111	NGUYEN MINH DUC	71,195
168	5119xxxx2101	NGUYEN QUANG VINH	142,002
169	5171xxxx1100	DINH THI NGOC MY	88,720
170	5171xxxx4102	VU THI KIM ANH	100,000
171	5119xxxx1108	LE VAN MAU	97,292
172	5119xxxx4105	TRAN THI HA GIANG	100,000
173	5119xxxx4103	LE THI THANH HOA	100,000
174	5119xxxx0108	CAO THI THU TRANG	64,491
175	5119xxxx0102	NGUYEN NGOC XUYEN	100,000
176	5119xxxx2107	NGUYEN T HUYEN TRANG	50,920
177	5119xxxx2102	TRINH MINH CHAU	90,423
178	5174xxxx2100	NGUYEN THI TUYET	191,503
179	5171xxxx7108	DANG THI LIEN	62,384
180	5171xxxx6103	NGUYEN THI ANH	50,351
181	5119xxxx2104	LE THI BACH TUYET	70,420
182	5119xxxx4102	DOAN VAN HIEN	79,830
183	5119xxxx4108	DO T MINH HONG	90,899
184	5119xxxx3102	DANG KIM THUY DUONG	100,000
185	5119xxxx6103	TRAN DUC QUANG	56,145
186	5119xxxx2102	DAO THI PHUONG	65,990
187	5119xxxx6108	NGUYEN VAN THUY	100,000
188	5119xxxx9100	MA THUY CHI	88,145
189	5171xxxx1109	DANG LINH CHI	57,750
190	5171xxxx5114	HUYNH MINH HUY	111,258
191	5119xxxx6109	TRUONG THU HUONG	50,200
192	5119xxxx2106	NGUYEN VAN HOA	84,139
193	5119xxxx9100	NGUYEN MINH PHUC	64,415
194	5119xxxx5104	PHAM QUANG NGHIA	65,075
195	5119xxxx5107	PHAM THI HONG NGOC	56,935
196	5119xxxx9100	PHAM HONG SON	240,692

197	5119xxxx9103	NGUYEN THI BICH CHI	52,057
198	5171xxxx0108	LUONG VIET THAI	50,900
199	5119xxxx6101	NGUYEN THI HANG	100,000
200	5119xxxx4105	BUI QUANG HUY	59,999
201	5119xxxx8102	NGUYEN THI KIM VAN	67,389
202	5119xxxx9100	HA THI PHUONG LAN	95,498
203	5171xxxx6104	NGUYEN T HUYEN TRANG	200,000
204	5119xxxx5109	TRAN DINH PHONG	100,000
205	5119xxxx3107	NGUYEN LAN ANH	100,000
206	5119xxxx9100	NGUYEN DUNG PHI YEN	73,596
207	5119xxxx3104	TRINH THI LANH	65,037
208	5119xxxx1101	HUYNH THI VIET HA	84,039
209	5171xxxx9103	NGUYEN THI NGAN	84,284
210	5119xxxx8105	VU THI HOANG GIANG	58,546
211	5119xxxx0108	TRAN TUAN HUNG	55,650
212	5171xxxx1100	NGO BA DANG	107,769
213	5171xxxx3100	DINH THI TO NU	121,770
214	5119xxxx1102	PHAN NGOC KHOA	86,615
215	5119xxxx2106	NGUYEN THI THUY NHU	68,902
216	5119xxxx4107	TRINH NGUYEN YEN NI	70,530
217	5171xxxx6104	MAI THANH NHAN	100,000
218	5119xxxx1104	DOAN MANH KHOI	100,000
219	5119xxxx0103	DONG NGUYEN GIAP	100,000
220	5119xxxx7103	HUYNH NGOC QUOC BAO	55,865
221	5171xxxx7103	LE THI HA	89,425
222	5119xxxx6100	PHAN THI KIM OANH	100,000
223	5171xxxx4129	DANG THI NHAT UYEN	80,075
224	5119xxxx7100	MAI THI THU TRANG	151,584
225	5119xxxx5108	DANG THI HUONG GIANG	74,867
226	5119xxxx0100	NGUYEN THI TU UYEN	200,000
227	5119xxxx3116	LY MY ANH	100,000
228	5119xxxx6102	NGUYEN THI KIEU HANH	178,939
229	5119xxxx4102	NGUYEN THI NGOC VAN	178,925
230	5119xxxx3105	NGUYEN THI NGUYET	50,091
231	5119xxxx4104	NGUYEN THI HAI HA	93,396
232	5119xxxx1102	HOANG DUNG TRI	91,660
233	5119xxxx5106	NGUYEN THI THU HUYEN	70,901
234	5119xxxx1106	HUYNH N UYEN PHUONG	80,507
235	5119xxxx8109	CU THI THUY LINH	52,035
236	5119xxxx1102	NGUYEN VAN HUNG	100,000
237	5119xxxx1104	NGUYEN TRUNG VUONG	50,000
238	5171xxxx5109	NGUYEN THUY VAN	67,330
239	5171xxxx2102	DUONG KHANH CHI	61,088
240	5119xxxx4104	NGUYEN THI HONG LIEN	155,039
241	5171xxxx9102	NGUYEN THANH SANG	79,160
242	5171xxxx3110	DOAN LE CHI	184,676
243	5119xxxx6109	HOANG MINH HUNG	58,675
244	5119xxxx1114	TRINH THI MUNG	52,702
245	5171xxxx1103	NGUYEN THI NHUNG	65,000
246	5119xxxx6106	DO ANH CONG	55,431

247	5119xxxx9109	LE QUANG VE	152,542
248	5119xxxx6106	NGUYEN MANH HUNG	51,960
249	5119xxxx7101	TRAN QUANG HUNG	50,574
250	5119xxxx5107	NGUYEN THI HIEN VI	71,780
251	5119xxxx5108	PHAM H THAO PHUONG	85,643
252	5119xxxx4107	NGUYEN T KHANH HUYEN	57,230
253	5119xxxx5108	DOAN THANH TAN	58,405
254	5119xxxx9100	NGUYEN HONG TU	110,285
255	5119xxxx3109	NGUYEN MINH DUC	63,239
256	5119xxxx8101	AGNALDO O. GARIBALDI	88,946
257	5171xxxx6106	KHUONG TUNG LINH	63,288
258	5119xxxx1114	NGUYEN QUY BAC	70,584
259	5171xxxx3109	LE THI HA	76,410
260	5171xxxx3102	NGO MY HANH	59,708
261	5119xxxx6107	LE TAN CHI	100,000
262	5171xxxx6106	NGUYEN DIEN VIEN	51,334
263	5119xxxx6107	PHAM THI HA THU	56,315
264	5119xxxx0100	HOANG THU THUY	160,182
265	5119xxxx4109	DAO THI PHUONG THAO	75,515
266	5171xxxx8102	PHAM DUY HUONG	117,052
267	5171xxxx9108	NGUYEN MINH THU	70,210
268	5119xxxx1106	NGUYEN THI KIM LY	100,000
269	5119xxxx9100	HA THI MAI	100,000
270	5119xxxx1101	NGUYEN VAN THUY	91,197
271	5119xxxx5100	PHAM THI THUY TRANG	67,085
272	5119xxxx5103	NGUYEN VU HANH UYEN	50,639
273	5119xxxx3109	PHAM THI HONG	58,712
274	5119xxxx8105	TRAN ANH TU	61,848
275	5119xxxx3101	BUI THI BE	50,781
276	5171xxxx8105	LE PHUONG HUYNH GIANG	98,979
277	5119xxxx5104	TRUONG THI PHUONG DU	90,933
278	5119xxxx9102	DINH VAN CUONG	51,411
279	5119xxxx6108	TRAN THANH HUNG	72,775
280	5171xxxx8100	PHAN THI CHI	81,371
281	5119xxxx9101	NGUYEN THI THANH HANG	84,170
282	5171xxxx5105	PHAM NGOC MINH TRANG	85,150
283	5119xxxx6109	NGUYEN BA DAO	95,905
284	5119xxxx9104	PHAM QUANG ANH	56,720
285	5119xxxx6106	GAMZAT ALIEV	75,799
286	5119xxxx7108	TRUONG MANH DUNG	64,495
287	5119xxxx0100	LE VAN HUNG	74,224
288	5119xxxx9101	NGUYEN HUU NAM	100,000
289	5119xxxx5108	DOAN THI HONG NHUNG	60,132
290	5119xxxx6105	PHAM THI SEN	55,561
291	5119xxxx3106	WILLIAM BLAIS	51,366
292	5119xxxx3103	CAO THI HUYNH TRANG	86,237
293	5119xxxx8106	NGUYEN THU HUYEN	100,000
294	5171xxxx5105	NGUYEN BA HIEP	79,045
295	5119xxxx0101	DAO DUY CUONG	100,000
296	5171xxxx2102	VI ANH TIEN	58,161

297	5119xxxx5110	NGUYEN T HUYEN TRANG	74,474
298	5119xxxx5109	NGUYEN THI THANH BINH	52,296
299	5171xxxx4102	NGUYEN THI HANG	200,000
300	5119xxxx5101	TO HOANG TRUC THI	79,105
301	5119xxxx5107	NGUYEN THI HUONG	73,323
302	5119xxxx3106	NGUYEN THE PHUONG	100,000
303	5119xxxx1106	NGUYEN PHUONG OANH	50,731
304	5119xxxx3104	VU HUU TRANG	52,750
305	5119xxxx6100	HOANG PHUONG ANH	55,880
306	5171xxxx9105	NGUYEN ANH DUC	60,543
307	5171xxxx8101	LAM BAO SANG	74,900
308	5171xxxx9104	LUONG QUYNH HUONG	100,000
309	5119xxxx8105	NGUYEN VU TRUONG PHU	65,025
310	5119xxxx4100	DUONG NGOC THUY TIEN	69,930
311	5119xxxx0101	NGUYEN THI THU HANG	150,488
312	5119xxxx3108	BUI NAM DUONG	173,535
313	5171xxxx2109	DOAN BAO PHUONG	72,805
314	5171xxxx7102	TRAN THI LAN	65,178
315	5119xxxx8106	NGUYEN HOANG ANH	172,875
316	5119xxxx1114	VU THI HANG	100,000
317	5119xxxx5101	DUONG VAN HOAN	64,895
318	5119xxxx9105	DOAN THI NA	71,366
319	5171xxxx2102	LE THI LUONG	52,680
320	5171xxxx8109	PHAM BAC VIET	300,535
321	5119xxxx4108	TRAN T THANH LAN	276,800
322	5119xxxx9102	VU THANH LONG	67,991
323	5119xxxx6109	QUANG NGOC BAO	71,995
324	5119xxxx8100	DOI THI NHUNG	100,000
325	5119xxxx8108	PHAM THE HUYNH	71,250
326	5171xxxx1109	NGUYEN SY THANG	56,904
327	5119xxxx4102	VO TRAN HOANG LAN	69,896
328	5119xxxx1107	VO THI THUY DUYEN	57,876
329	5119xxxx1106	NGUYEN DINH THINH	100,000
330	5171xxxx8105	HA NGUYEN NGOC NGAN	54,226
331	5119xxxx0103	NGUYEN THI HONG NHUNG	79,461
332	5119xxxx1100	ALEKSEI BOGDANOV	80,973
333	5119xxxx8102	PHAM THI THUY	63,445
334	5119xxxx9104	KRAFT MANFRED HANS	73,722
335	5171xxxx3104	PHAM THANH NGUYEN	61,555
336	5119xxxx6106	DANG MINH NGOC	51,510
337	5119xxxx1106	NGUYEN THI HA THANH	56,027
338	5171xxxx6100	DOAN VAN NAM	100,000
339	5119xxxx1100	BUI MANH CUONG	51,538
340	5171xxxx6111	SUH DONG KEUN	300,000
341	5119xxxx6104	CHU TRONG NINH	55,613
342	5119xxxx9103	LE ANH NHAT	75,546
343	5171xxxx5101	LE NGOC TAM	63,220
344	5119xxxx0102	NGUYEN THI NGA	82,153
345	5119xxxx3102	AAMER HAMEED	86,055
346	5171xxxx8100	BUI DUY HIEU	100,000

347	5119xxxx2101	BYRON CARD	100,000
348	5171xxxx8108	NGUYEN THI THUY	51,461
349	5171xxxx3102	PHAN THI THUY LINH	154,907
350	5119xxxx1104	DO VAN HA	54,025
351	5171xxxx9104	LE HUYNH THU	71,032
352	5119xxxx8108	TA THI THU THUY	75,415
353	5119xxxx8100	LUO YA	70,016
354	5171xxxx5105	NGUYEN QUANG HUNG	200,000
355	5119xxxx6101	NGUYEN THI UT	221,429
356	5171xxxx5103	VU MINH CHAU	73,746
357	5119xxxx9107	NIM SENH TAN	57,956
358	5119xxxx3101	DO TRUNG KIEN	62,105
359	5119xxxx2106	KAREENA BARAT	100,000
360	5119xxxx2103	LE MANH HA	100,000
361	5171xxxx0102	TRAN VI HAO	56,245
362	5119xxxx9109	NGUYEN DUY KIEUCHINH	100,000
363	5119xxxx3103	HAHN AHREUM	100,000
364	5119xxxx2111	DANG THI THU	100,000
365	5171xxxx9104	LE THI THU HA	56,987
366	5119xxxx7104	DUONG BUI BICH LIEN	100,000
367	5119xxxx8107	REICIELYN C GALURA	100,000
368	5119xxxx6107	NGUYEN MANH CUONG	100,000
369	5119xxxx9101	NGUYEN THUY LINH	100,000
370	5171xxxx7106	LUONG THI THANH MAI	56,315
371	5119xxxx7109	JANG JIUN HAU	60,515
372	5119xxxx7102	NGUYEN T HUONG GIANG	76,916
373	5171xxxx1105	MATTHEW LEWIS TERRY	51,330
374	5171xxxx0106	SAMANTHA L. TERRY	100,000
375	5119xxxx5105	NGUYEN THI VIET HAN	58,816
376	5119xxxx0101	VU THI MINH CHAM	72,015
377	5171xxxx0101	NGUYEN THI HONG NHUNG	73,996
378	5119xxxx3108	TRINH VAN VINH	63,386
379	5119xxxx5109	VU HOANG ANH	50,490
380	5119xxxx3105	NGUYEN T HUONG GIANG	100,000
381	5119xxxx6102	JONI PAL	59,839
382	5119xxxx4107	CHANVIN ERIC	54,116
383	5119xxxx2102	NGUYEN THI YEN NGOC	69,335
384	5119xxxx0103	GR KATHRYN MARGARET	84,950
385	5119xxxx4109	DOAN THE HUNG	65,867
386	5119xxxx1100	NGUYEM THI HUYEN DIEU	52,886
387	5119xxxx1102	NGUYEN THI DOAN CHI	100,000
388	5171xxxx6105	LE NGUYEN PHUC	67,873
389	5119xxxx6113	DUONG MINH CHI	67,177
390	5171xxxx7107	THAN THI THUY NGAN	61,614
391	5119xxxx2104	MOROZOV IURII	79,171
392	5119xxxx2108	PHAM XUAN HOANG	67,131
393	5119xxxx8101	LEE SANGNO	100,000
394	5171xxxx7104	NGUYEN THI HOA	100,000
395	5119xxxx9103	MAMORENA T.MOLLO	55,773
396	5119xxxx8104	VU ANH DAO	153,105

397	5171xxxx8104	NGUYEN DUC TAI	165,840
398	5119xxxx6108	YOSHINO TSUNEO	81,435
399	5171xxxx0103	HAN THI LAN ANH	83,431
400	5119xxxx2103	LEE JIN UK	86,020
401	5119xxxx1103	DANG THI MINH HA	63,810
402	5119xxxx5102	NGUYEN THI THU HUONG	77,399
403	5119xxxx0104	TRAN THI KIM YEN	300,000
404	5171xxxx0102	RAJA DAS	53,772
405	5119xxxx6103	NGUYEN THI THU	85,729
406	5171xxxx5104	DAVID IAN JONKER	85,895
407	5171xxxx7108	NGUYEN NGOC HIEU	100,000
408	5119xxxx8109	PHUNG MINH MO	62,619
409	5119xxxx2100	PHAM THANH DUC	85,050
410	5119xxxx3109	NGUYEN THI THUY DUNG	100,000
411	5171xxxx3104	NGO NGUYEN BAO LINH	60,874
412	5171xxxx8106	NGUYEN THI THUYEN	71,988
413	5171xxxx3107	NGHIEM KIM PHUONG	52,184
414	5119xxxx1105	NGUYEN THI BICH	89,225
415	5171xxxx6100	VU HUONG GIANG	52,230
416	5119xxxx9100	MITESH V PRAJAPATI	65,850
417	5119xxxx9106	NGUYEN HOANG DUC HUY	53,998
418	5119xxxx9107	DANG THI HUONG	100,000
419	5119xxxx6105	LAI I JUNG	60,479
420	5171xxxx4103	DINH THUY HUONG	200,000
421	5119xxxx5108	PHAN QUOC ANH	73,083
422	5119xxxx0100	NGUYEN THI TINH	50,000
423	5171xxxx5102	NGUYEN MINH THUY	64,233
424	5119xxxx4101	LE GIA THANH	184,720
425	5119xxxx2108	CAO MY LE	75,335
426	5171xxxx4103	LE THI KIM NGAN	56,565
427	5171xxxx2103	TA HONG CHINH	65,000
428	5119xxxx8109	NGUYEN LINH PHUONG	62,965